

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-ST
Ngày: 14/01/2022
V/v Tranh chấp hợp đồng thuê xe và
hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.
2. Ông Phạm Văn Chính.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2020/TLST – DS ngày 19 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng thuê xe và hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2021/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2021/QĐST-DS ngày 19 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 141/2021/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2021 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 74/2021/TB-TA ngày 21 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lại Xuân Đ, sinh năm 1998 (có mặt)

Địa chỉ: Đường N, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Bị đơn: Ông Lâm Hữu T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2020, bản tự khai ngày 27/02/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lại Xuân Đ trình bày:

Ngày 30/9/2019 ông Lại Xuân Đ có ký hợp đồng thuê xe Vios màu trắng, 04 chỗ, biển số 70A-22048 với ông Lâm Hữu T, thời gian thuê là 12 tháng, thời gian chạy trong ngày là từ 05 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút, giá thuê là 9.000.000 (chín triệu) đồng/tháng, trong tháng bên cho thuê được lấy xe 02 ngày để bảo dưỡng hoặc thay nhớt. Ông Đ đã đặt cọc cho ông T 10.000.000 (mười triệu) đồng để bảo đảm cho việc thuê xe, trong trường hợp bên thuê xe sai hợp đồng thì mất tiền cọc còn bên cho thuê xe sai hợp đồng thì bồi thường gấp đôi tiền cọc ghi trên hợp đồng ngày 30/9/2019. Sau khi thuê xe, ông Đ chạy được 01 tháng (tháng 10/2019) và cũng đã trả tiền thuê của tháng đó. Ngày 09/11/2019 trong quá trình làm việc, đã xảy ra va chạm làm xe ông T hư hỏng nhẹ phần ngoài, ông T tự đem xe đi sửa và báo tiền sửa hết 19.941.450 (mười chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm năm mươi) đồng nên buộc ông Đ phải dừng hợp đồng. Ngoài số tiền đặt cọc trên ông Đ còn cho ông T vay 7.000.000 (bảy triệu) đồng nhưng chỉ nói miệng, không có giấy tờ, không có người làm chứng. Do ông T tự chấm dứt hợp đồng nên ông Đ yêu cầu buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền đặt cọc thuê xe là 10.000.000 (mười triệu) đồng, không yêu cầu phạt cọc và tiền vay là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Bị đơn Lâm Hữu T đã được Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập và tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc mở lại phiên tòa hợp lệ nhưng không có ý kiến đồng thời vắng mặt tại các phiên họp và phiên tòa xét xử sơ thẩm không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng thuê xe - buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền đặt cọc thuê xe là 10.000.000 (mười triệu) đồng, không yêu cầu phạt cọc; rút phần yêu cầu đối với phần tranh chấp hợp đồng vay tài sản - buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay là 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý và giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, thời hạn xét xử chưa đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 68, Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập nhưng vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án. Theo Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có cơ sở.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ hợp đồng thuê xe giữa ông Lại Xuân Đ và ông Lâm Hữu T ngày 30/9/2019; căn cứ Điều 472, Điều 328 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận phần yêu cầu đòi lại tiền cọc 10.000.000 (mười triệu) đồng của nguyên đơn.

Đối với yêu cầu trả tiền vay 7.000.000 (bảy triệu) đồng, tại phiên tòa ông Lại Xuân Đ rút yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa nên không tiến hành hòa giải được, do đó các đương sự không thống nhất được bất kỳ nội dung nào của vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Lại Xuân Đ có đơn khởi kiện đối với ông Lâm Hữu T. Ông T cư trú tại Ấp N, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ tranh chấp là tranh chấp hợp đồng thuê xe và hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về tố tụng: Ông Lâm Hữu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông T là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1]. Theo nội dung hợp đồng thuê xe giữa ông Lại Xuân Đ và ông Lâm Hữu T ngày 30/9/2019 thì ông T là chủ xe, cho ông Đ thuê xe Vios màu trắng, 04 chỗ, biển số 70A-22048, thời gian thuê là 12 tháng, thời gian chạy trong ngày là từ 05 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút, giá thuê là 9.000.000 (chín triệu) đồng/tháng, trong tháng bên cho thuê được lấy xe 02 ngày để bảo dưỡng hoặc thay nhớt. Trong thời gian thuê nếu xe bị sự cố trầy xước cả hai bên có trách

nhiệm làm bảo hiểm. Cùng ngày ký hợp đồng thuê xe, ông Đ đã đặt cọc 10.000.000 (mười triệu) đồng cho ông T để thuê xe.

[3.2]. Theo lời trình bày của ông Đ thì ngày 09/11/2019 trong quá trình làm việc đã xảy ra va chạm làm xe ông T hư hỏng nhẹ phần ngoài, ông T tự đem xe đi sửa và báo tiền sửa hết 19.941.450 (mười chín triệu chín trăm bốn mươi một nghìn bốn trăm năm mươi) đồng nên buộc ông Đ phải dừng hợp đồng. Xét nội dung thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe hai bên đã ký ngày 30/9/2019 - trong thời gian thuê nếu xe bị sự cố trầy xước cả hai bên có trách nhiệm làm bảo hiểm. Do đó, việc ông T tự đem xe đi sửa rồi đơn phương chấm dứt hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng thuê xe ngày 30/9/2019; vi phạm vào Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.3]. Theo thỏa thuận trong hợp đồng thuê xe ngày 30/9/2019, trong trường hợp bên thuê xe (bên B) sai hợp đồng thì mất tiền cọc còn bên cho thuê xe (bên A) sai hợp đồng thì bồi thường gấp đôi tiền cọc ghi trên hợp đồng ngày 30/9/2019. Ông T đơn phương chấm dứt hợp đồng là đã vi phạm thỏa thuận hợp đồng thuê xe ngày 30/9/2019; vi phạm Điều 428 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông Đ yêu cầu ông T trả lại tiền cọc là có căn cứ chấp nhận.

[3.4]. Ông Lâm Hữu T mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khác quan và không có bất cứ ý kiến nào phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ, điều này cho thấy ông Lâm Hữu T đã từ bỏ quyền phản đối của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn nên phải tự chịu hậu quả của việc không chứng minh theo khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, căn cứ vào khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ trên yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét, giải quyết vụ án.

[3.5]. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử xét có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lại Xuân Đ buộc bị đơn Lâm Hữu T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền đặt cọc thuê xe là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

[3.6]. Tại phiên tòa, ông Lại Xuân Đ xin rút yêu cầu khởi kiện đối với phần tranh chấp hợp đồng vay tài sản - buộc ông Lâm Hữu T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay là 7.000.000 (bảy triệu) đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện nói trên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 71 và Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trên của ông Lại Xuân Đ, nếu sau này ông Đ khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Ông Đ không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1]. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể như sau: 10.000.000 đồng x 5% = 500.000 (năm trăm nghìn) đồng.

[4.2]. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

[5]. Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về đòi lại tiền cọc và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả tiền vay do nguyên đơn rút yêu cầu là có căn cứ nên chấp nhận.

[6]. Về kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91, Điều 92, Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 472, Điều 328, Điều 428, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 7a, 9, 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lại Xuân Đ đối với yêu cầu buộc bị đơn trả lại tiền đặt cọc thuê xe.

Buộc ông Lâm Hữu T có nghĩa vụ trả cho ông Lại Xuân Đ số tiền đặt cọc thuê xe là 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của ông Lại Xuân Đ buộc ông Lâm Hữu T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền vay là 7.000.000 (bảy triệu) đồng; nếu sau này ông Lại Xuân Đ khởi kiện lại thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Hữu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Ông Lại Xuân Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Lại Xuân Đ 425.000 (bốn trăm hai mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2019/0077535 ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận :

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND H.H, TP.HCM;
- Chi cục THADS H. H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy